

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý sản phẩm thuộc Chương trình  
Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày  
22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007,  
được sửa đổi, bổ sung năm 2018;*

*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010, được sửa đổi,  
bổ sung năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của  
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm  
hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của  
Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của  
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31  
tháng 12 năm 2008 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật  
Chất lượng sản phẩm hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của  
Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh  
doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Thủ  
tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm  
Chương trình mỗi xã một sản phẩm;*

*Căn cứ Quyết định 781/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Thủ  
tướng Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số phụ lục Quyết định số 1048/QĐ-TTg  
ngày 21 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu  
chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;*

*Căn cứ Quyết định số 1162/QĐ-VPĐP-OCOP ngày 17 tháng 9 năm 2020  
của Văn phòng điều phối nông thôn mới Trung ương ban hành Quy chế quản lý  
và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm OCOP Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ  
tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn  
2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Về việc Phê duyệt Đề án “Chương trình Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 14/TTr-SNN ngày 12 tháng 01 năm 2022 và ý kiến thống nhất của các thành viên UBND tỉnh,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã; các tổ chức, cá nhân có sản phẩm đã được công nhận là sản phẩm OCOP tỉnh Bắc Giang và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP, TH, KTN, TKCT;
  - + Lưu: VT, NN Thăng.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Ô Pích**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

### **Quản lý sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2023  
của UBND tỉnh Bắc Giang)*

## **Chương I**

### **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý sản phẩm OCOP được đánh giá, xếp hạng từ 3 sao trở lên thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có sản phẩm OCOP được đánh giá, xếp hạng từ 3 sao trở lên và các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia Chương trình OCOP tỉnh Bắc Giang.

#### **Điều 3. Quy tắc chung**

Tất cả chủ thể có sản phẩm OCOP phải duy trì những nội dung, kết quả đã đưa vào trong hồ sơ dự thi sản phẩm OCOP và đã được Hội đồng đánh giá, xét công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh công nhận, khuyến khích các chủ thể áp dụng các tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP ở mức độ cao hơn.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

#### **Điều 4. Xây dựng và công bố quy trình sản xuất**

1. Các cơ sở có sản phẩm OCOP được đánh giá, phân hạng đạt từ 3 sao trở lên phải đảm bảo chất lượng sản phẩm đối với sản phẩm 3 sao OCOP (có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm, ghi hồ sơ lô sản xuất), đối với sản phẩm 4 sao OCOP (có chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến ISO/GMP/HACCP,...) và bảo vệ môi trường theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước và các quy định hiện hành.

2. Quy trình sản xuất phải được xây dựng từ khâu nguyên liệu đầu vào, đến quá trình sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản và xuất bán ra thị trường; từng công đoạn phải mô tả chi tiết, cụ thể các nội dung, yêu cầu bắt buộc thực hiện để có kết quả đầu ra sản phẩm đảm bảo chất lượng. Quá trình sản xuất phải tuân thủ nghiêm túc Quy trình sản xuất; phải thiết lập hồ sơ ghi chép đầy đủ, chính xác từng lô hàng sản xuất; có phương án xử lý khi sản phẩm không đảm bảo chất lượng và sản phẩm là phụ phẩm sau khi đã sản xuất.

3. Chủ cơ sở phải thực hiện niêm yết công khai Quy trình sản xuất tại vị trí dễ quan sát để thực hiện và thuận tiện cho người dân, cộng đồng kiểm tra giám sát.

### **Điều 5. Quản lý chất lượng nguyên liệu sản xuất**

1. Nguyên liệu sản xuất đảm bảo chất lượng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, được bảo quản theo đúng tiêu chuẩn quy định.

2. Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hóa có trách nhiệm quản lý nguyên liệu sản xuất đầu vào bằng việc thiết lập hệ thống sổ sách theo dõi, truy xuất nguồn gốc nguyên liệu.

3. Theo dõi, đánh giá chất lượng nguyên liệu sản xuất sản phẩm, hàng hóa.

4. Phân loại và sơ chế nguyên liệu sản xuất đảm bảo nguyên liệu theo đúng quy trình sản xuất đã công bố đạt chất lượng cao nhất.

### **Điều 6. Kiểm soát quá trình sản xuất**

Tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hóa thực hiện:

1. Kiểm soát chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất, đáp ứng yêu cầu trong tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Áp dụng và duy trì chính sách chất lượng mà cơ sở đã công bố.

3. Tăng cường tự kiểm soát, giám sát chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm theo chuỗi giá trị sản phẩm.

4. Vận hành chương trình giám sát và quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Quy trình quản lý thiết bị sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn quy định, nhằm đảm bảo tối đa chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

6. Kiểm soát chất lượng nguyên liệu, chất lượng thiết bị, chất lượng bao bì chứa đựng sản phẩm của cơ sở nhằm đảm bảo và duy trì chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

7. Thường xuyên đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa nội bộ theo tiêu chuẩn đã áp dụng.

### **Điều 7. Công bố sản phẩm, hàng hóa là thực phẩm, thực phẩm chức năng**

1. Đối với sản phẩm cơ sở sản xuất tự công bố

a) Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa được quy định tại Điều 4 Chương II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ.

b) Hồ sơ tự công bố thực hiện theo khoản 1 Điều 5 Chương II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ.

c) Trình tự công bố thực hiện theo khoản 2 Điều 5 Chương II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 và khoản 1 Điều 3 Chương III Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ.

2. Đối với sản phẩm đăng ký bản công bố sản phẩm

a) Áp dụng cho sản phẩm, hàng hóa được quy định tại Điều 6 Chương III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ.

b) Hồ sơ đăng ký bản công bố thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Chương III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ.

c) Trình tự đăng ký bản công bố thực hiện theo Điều 8 Chương III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/2/2018 của Chính phủ.

3. Đối với sản phẩm là thực phẩm chưa có Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở thì tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm, hàng hóa xây dựng tiêu chuẩn cơ sở với các chỉ tiêu an toàn được áp dụng tại các văn bản, cụ thể:

Quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”; Thông tư số 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (QCVN 8-1:2011/BYT); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (QCVN 8-2:2011/BYT); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm (QCVN 8-3:2012/BYT) và các văn bản hiện hành có liên quan.

#### **Điều 8. Công bố chất lượng sản phẩm không phải là thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm lựa chọn Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở tương ứng để áp dụng, tự công bố sản phẩm hoặc đăng ký bản công bố, với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 9. Quản lý chất lượng sản phẩm**

1. Cơ sở sản xuất phải có hệ thống kho bảo quản sản phẩm, hàng hóa, bảo quản nguyên liệu sản xuất đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm; có kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm thường xuyên; phải có biện pháp xử lý kịp thời nếu phát hiện hàng hóa không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

2. Sản phẩm, hàng hóa trước khi đưa lưu thông trên thị trường phải được kiểm nghiệm và phân tích chỉ tiêu chất lượng đảm bảo phù hợp với chất lượng mà cơ sở đã tự công bố hoặc tiêu chuẩn sản phẩm, được dán tem sản phẩm đạt chuẩn của chương trình OCOP tỉnh Bắc Giang.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm thực hiện việc kiểm tra chất lượng đối với sản phẩm OCOP theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định của tỉnh.

#### **Điều 10. Thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm**

1. Khi xảy ra sự cố gây mất an toàn thực phẩm hoặc khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về truy xuất nguồn gốc lô sản phẩm không đảm bảo chất lượng thì cơ sở phải tiến hành ngay việc truy xuất nguồn gốc lô sản phẩm đó. Báo cáo kịp thời với cơ quan chức năng để phối hợp xác định rõ nguyên nhân gây mất an toàn thực phẩm và xử lý kịp thời, đảm bảo tránh gây hậu quả nghiêm trọng, những tổn thất không đáng có về sức khỏe, tính mạng và những thiệt hại về kinh tế của người tiêu dùng.

2. Việc thực hiện truy xuất nguồn gốc, thu hồi sản phẩm không đảm bảo an toàn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TEM OCOP**

#### **Điều 11. Tem sản phẩm OCOP và điều kiện sử dụng**

1. Tem OCOP là tem có gắn biểu trưng logo OCOP Việt Nam, có in hạng sao, hiệu lực của tem, có thể tích hợp mã QR-code thực hiện truy xuất nguồn gốc để nhận diện được sản phẩm đã đạt chuẩn OCOP.

2. Tem OCOP chỉ được sử dụng cho các sản phẩm được UBND tỉnh Bắc Giang chứng nhận là sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên theo quy định và trong thời hạn có hiệu lực 36 tháng kể từ khi ban hành quyết định công nhận.

3. Tem OCOP được đặt ở vị trí trang trọng, dễ nhìn, dễ đọc trên nhãn hàng hóa, bao bì sản phẩm OCOP.

4. Đảm bảo các sản phẩm OCOP được gắn tem OCOP đúng với các yêu cầu về nhãn bao bì, tiêu chí, tiêu chuẩn, chất lượng theo hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP đã được Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tỉnh Bắc Giang đánh giá, công nhận. Trường hợp có thay đổi nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cấp bao bì, thay đổi mẫu mã, kiểu dáng (theo chiều hướng tốt hơn, phù hợp với quy định của pháp luật, thị hiếu người tiêu dùng) thì báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra, xác nhận.

#### **Điều 12. Dán tem lên sản phẩm**

Tem cấp cho sản phẩm OCOP nào thì chỉ được dán lên sản phẩm đó, tuyệt đối không được dán lên sản phẩm khác. Tem dán cố định trên sản phẩm, ở vị trí thuận tiện, dễ quan sát, có thể in trực tiếp trên bao bì sản phẩm hoặc sử dụng làm tem niêm phong.

#### **Điều 13. Quản lý việc sử dụng Tem OCOP**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tem OCOP, tham mưu UBND tỉnh xem xét thu hồi quyền sử dụng tem OCOP đối với các chủ thể cố tình vi phạm các quy định về sử dụng tem OCOP.

## **Chương V**

### **THU HỒI CHỨNG NHẬN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 14. Thu hồi chứng nhận sản phẩm OCOP**

Đối với các sản phẩm OCOP được đánh giá, xếp hạng từ 3 sao trở lên, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xem xét và kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi chứng nhận khi vi phạm một trong các nội dung sau:

1. Không thực hiện đúng Quy trình sản xuất đã công bố.
2. Sản phẩm không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
3. Sản phẩm cung cấp ra thị trường có dán tem OCOP nhưng không đúng với chất lượng của sản phẩm đã được đánh giá, phân hạng và công nhận.

4. Sản xuất, mua bán sản phẩm OCOP đã hết hạn sử dụng, đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấm lưu thông.

5. Sản xuất, mua bán, trao đổi, tiếp thị sản phẩm OCOP không bảo đảm các tiêu chuẩn đã công bố hoặc quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Cố tình cung cấp sai hoặc giả mạo kết quả thử nghiệm, kiểm tra, giám định, kiểm định, chứng nhận chất lượng sản phẩm OCOP.

6. Sản phẩm không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ, không xuất trình được hồ sơ lưu quá trình sản xuất khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

7. Sử dụng Tem OCOP không đúng quy định, cụ thể:

a) Sử dụng cho các sản phẩm không tham gia Chương trình OCOP hoặc sản phẩm chưa được đánh giá, phân hạng hoặc sản phẩm đã hết thời hạn công nhận OCOP nhưng chưa tham gia đánh giá, phân hạng lại.

b) Sử dụng cho các sản phẩm không tuân thủ quy trình sản xuất, chế biến và bảo quản sản phẩm.

c) Chuyển nhượng Tem sản phẩm đạt chuẩn của Chương trình OCOP cho các tổ chức, cá nhân khác dưới bất kỳ hình thức nào.

d) Sử dụng cho các sản phẩm không đúng với loại sản phẩm, mẫu sản phẩm đã được chứng nhận OCOP, trừ trường hợp cải tiến mẫu mã, nhãn mác đã có xác nhận phù hợp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

### **Điều 15. Xử lý vi phạm**

1. Các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh có sản phẩm OCOP được đánh giá, phân hạng từ 3 sao trở lên vi phạm các quy định tại Quy chế này sẽ bị xem xét xử lý theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm của các cơ sở, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị UBND tỉnh xem xét thu hồi Quyết định phân hạng đối với sản phẩm vi phạm.

## **Chương VI**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

#### **Điều 16. Các sở, ngành cấp tỉnh**

##### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

a) Là cơ quan thường trực, đầu mối chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Quy chế này.

b) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trong lĩnh vực nông nghiệp.

c) Hàng năm tham mưu UBND tỉnh kiểm tra các sản phẩm đạt chuẩn OCOP đã được công nhận, tham mưu UBND tỉnh xem xét, thu hồi giấy chứng nhận đạt chuẩn đối với các cơ sở thực hiện không đảm bảo quy định của Quy chế này.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quy chế này tại các địa phương.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình sản xuất, chế biến gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường đối với sản phẩm OCOP; kiểm tra công tác chỉ đạo, hướng dẫn của UBND cấp huyện đối với cơ sở về thực hiện quy trình sản xuất.

e) Chủ trì phối hợp với các Cơ quan chuyên ngành hướng dẫn xây dựng và công bố quy trình sản xuất đối với các sản phẩm OCOP được đánh giá phân hạng từ 3 sao trở lên.

f) Hỗ trợ quảng bá, tiêu thụ, đưa ra lưu thông trên thị trường đối với những sản phẩm, hàng hóa đã xây dựng hệ thống và sử dụng tem truy xuất nguồn gốc thông qua các hội chợ, triển lãm trong tỉnh và hội chợ các tỉnh, thành phố.

g) Thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các đơn vị sản xuất sản phẩm, hàng hóa OCOP; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Tiến hành xử lý hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm Quy chế này và các quy định của pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

## **2. Sở Y tế**

a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành theo quy định; quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm OCOP thuộc các nhóm: thực phẩm chức năng, thuốc từ dược liệu, thuốc y học cổ truyền; mỹ phẩm có thành phần từ thảo dược; trang thiết bị, dụng cụ y tế; nước khoáng thiên nhiên, nước uống tinh khiết; tinh dầu và thảo dược khác.

b) Hướng dẫn áp dụng chỉ tiêu chất lượng đối với các sản phẩm, hàng hóa không có Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở tương ứng; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có sản phẩm OCOP được đánh giá phân hạng từ 3 sao trở lên, xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn của Bộ Y tế; xây dựng quy trình sản xuất gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường các sản phẩm thuộc ngành quản lý.

c) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các đơn vị sản xuất sản phẩm, hàng hóa OCOP; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; tiến hành xử lý hoặc kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm túc đối với các hành vi vi phạm Quy chế này và các quy định của pháp luật về chất lượng, an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành.

## **3. Sở Công Thương**

a) Tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về sản phẩm OCOP thuộc phạm vi quản lý của ngành đối với các nhóm: đồ uống có cồn và không cồn (trừ nước khoáng thiên nhiên, nước uống tinh khiết); thủ công mỹ nghệ gia dụng, trang trí; đồ ăn nhanh; vải, sản phẩm may mặc.

b) Hướng dẫn các Chủ thể OCOP triển khai thực hiện các tiêu chí có liên quan để phát triển sản phẩm.

c) Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm OCOP thông qua các hội chợ, triển lãm, diễn đàn,... trong và ngoài tỉnh.

d) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật của các Chủ thể OCOP, các tổ chức, cá nhân có liên quan và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm trên lĩnh vực được giao.

#### **4. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch**

a) Thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các sản phẩm thuộc nhóm sản phẩm Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch.

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có sản phẩm du lịch, văn hóa tham gia sản phẩm OCOP triển khai thực hiện các nội dung theo tiêu chuẩn quy định nhằm đảm bảo chất lượng.

c) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các đơn vị sản xuất sản phẩm, hàng hóa OCOP; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên lĩnh vực được giao.

#### **5. Sở Khoa học và Công nghệ**

a) Thực hiện quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có sản phẩm OCOP được đánh giá phân hạng từ 3 sao trở lên thực hiện đăng ký, bảo hộ nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm, hàng hóa.

b) Hướng dẫn Chủ thể OCOP lập hồ sơ công bố chất lượng theo quy định.

c) Chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hướng dẫn tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình OCOP hoàn thiện hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý; đăng ký sử dụng mã số, mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa; ghi nhãn sản phẩm, hàng hóa đúng quy định; hướng dẫn kết nối tới Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, quốc gia.

d) Hướng dẫn các Chủ thể OCOP hoàn thiện hồ sơ nâng hạng sản phẩm, triển khai thực hiện các tiêu chí có liên quan để phát triển sản phẩm thủ công mỹ nghệ, trang trí và nhóm thủ công mỹ nghệ gia dụng.

đ) Kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các đơn vị sản xuất sản phẩm, hàng hóa OCOP; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên lĩnh vực được giao.

#### **6. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản quản lý về bảo vệ môi trường cho các cơ sở có sản phẩm tham gia Chương trình OCOP trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Tổ chức kiểm tra về vệ sinh môi trường tại các cơ sở sản xuất sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh.

#### **7. Cục Quản lý thị trường Bắc Giang**

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương, các lực lượng chức năng, đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý

nghiêm các hành vi vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong sản xuất, kinh doanh các mặt hàng OCOP kém chất lượng; hàng giả, hàng nhái.

- Tăng cường phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, giám sát việc sử dụng Tem sản phẩm đạt chuẩn của Chương trình OCOP đối với các cơ sở tham gia chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh; phát hiện và tiến hành xử lý đối với các cơ sở vi phạm theo quy định hiện hành.

### **8. Các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tăng cường phối hợp với các cơ quan nhà nước có liên quan đẩy mạnh công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện Quy chế này.

### **9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

a) Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các Chủ thể OCOP thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

b) Kiểm tra việc thực hiện quy chế của các Chủ thể OCOP; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình quản lý sản phẩm OCOP; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm về chất lượng sản phẩm OCOP trên địa bàn.

### **Điều 17. Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP**

1. Đảm bảo điều kiện cần thiết: Nhân lực, cơ sở vật chất, kỹ thuật, tổ chức, quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa do cơ sở mình sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn đã công bố.

2. Thực hiện theo hướng dẫn của các Cơ quan kiểm tra, giám sát và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Chấp hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế này và biện pháp xử lý của các Cơ quan kiểm tra, giám sát.

4. Thực hiện công bố lại khi có thay đổi về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

5. Thực hiện các nội dung nêu tại Quy chế này và báo cáo Cơ quan kiểm tra, giám sát khi được yêu cầu.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 18. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện Quy chế này trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Các Sở, ngành cấp tỉnh có liên quan chịu trách nhiệm quản lý chuyên ngành về thực hiện quy trình sản xuất, chế biến gắn với đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và môi trường; truy xuất nguồn gốc, thu hồi sản phẩm và hướng dẫn quản lý, sử dụng Tem OCOP đối với các sản phẩm tham gia Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia Chương trình OCOP tỉnh Bắc Giang chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc hoặc phát hiện những nội dung cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.